



SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1341 /TTr-BVĐK

Bình Phước, ngày 15 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua hóa chất, vật tư
xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Giám đốc Sở Y tế

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước kính trình Giám đốc Sở Y tế xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự toán mua sắm:

Giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:

a) Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách được cấp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm:

- Dự toán ngân sách năm 2024 : 90 tỷ đồng (Chín mươi tỷ đồng).
- Dự kiến dự toán năm 2025: 90 tỷ đồng (Chín mươi tỷ đồng).

b) Giá trị phần công việc mua sắm đã thực hiện: 37.920.455.800 đồng (Theo bảng Báo cáo các gói thầu năm 2024 đính kèm).

c) Phần kinh phí không dùng để mua sắm: không đồng.

d) Dự toán mua sắm, được xác định bằng kinh phí nêu tại điểm a khoản này trừ kinh phí nêu tại điểm b điểm c khoản này: 180.000.000.000 đồng – 37.920.455.800 đồng = 142.079.544.200 đồng.

- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.
- Năm ngân sách của dự toán mua sắm: năm 2024 và năm 2025.
- Năm tài chính của dự toán mua sắm: năm 2024 và năm 2025.

II. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Văn bản 03/VBHN-BYT ngày 11/4/2023 của Bộ Y tế về việc hợp nhất Nghị định về Quản lý trang thiết bị y tế do Bộ Y tế ban hành (hợp nhất Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND, ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành qui định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND, ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 836/SYT-NV ngày 10/3/2022 của Sở Y tế về việc tích cực, chủ động trong việc tự tổ chức mua sắm thuốc, vật tư y tế, hóa chất được phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ vào Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế năm 2024 (số 01/HĐKCB-BHYT) ngày 29/12/2023 giữa Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước và Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-SYT ngày 19/9/2024 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-SYT ngày 03/8/2024 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 3769/SYT-NV ngày 26/6/2024 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước về việc cơ sở khám, chữa bệnh công lập tự tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm;

Căn cứ Công văn số 4682/SYT-NV ngày 04/8/2024 của Sở Y tế về việc mua sắm thuốc, VTYT, hóa chất đảm bảo công tác khám chữa bệnh tại các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-BVĐK ngày 08/8/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc thành lập Tổ chuyên gia và Tổ thẩm định thực hiện các gói thầu mua sắm thuốc, thiết bị y tế, hóa chất - vật tư xét nghiệm cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Biên bản họp số 556/BB-HĐKH ngày 05/11/2024 của Hội đồng Khoa học về việc thông qua danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;

Căn cứ trích Biên bản họp cấp ủy số 238 - TBB/ĐBBP ngày 05/11/2024 của Đảng bộ Bộ phận Bệnh viện đa khoa về việc thông qua chủ trương mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Biên bản thống nhất giá số 1289/BB-BVĐK ngày 06/11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc thống nhất giá gói thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Tờ trình số 1300/TTr-BVĐK ngày 07/11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc đề nghị mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 7073/SYT-NV ngày 09/11/2024 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước về việc thuận chủ trương mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ- BVĐK ngày 12/11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt danh mục và giá kế hoạch gói thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Báo cáo số 591/BC-TCG ngày 14/11/2024 của Tổ chuyên gia Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc báo cáo kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.

III. Phần công việc đã thực hiện: Không.

IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu:

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾
1	Lập E-HSMT	Tổ chuyên gia - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	0 đồng
2	Thẩm định E-HSMT	Tổ thẩm định - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	0 đồng
3	Đánh giá E-HSDT	Tổ chuyên gia - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	0 đồng
4	Thẩm Định KQLCNT	Tổ thẩm định - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	0 đồng
Tổng giá trị			0 đồng

(Giải trình lý do: Do dự toán đầu năm không có phần chi phí này. Nguồn kinh phí tự chủ không đủ để bố trí kinh phí cho Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định).

V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	- Xây dựng danh mục và giá gói thầu - Xin chủ trương mua sắm. - Phê duyệt danh mục và giá kế hoạch - Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm - Lập HSMT, Thông báo mời thầu - Đánh giá HSDT - Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu - Ký kết, thực hiện hợp đồng - Thanh, quyết toán	997.951.720 đồng	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác.	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Quý IV năm 2024	Theo đơn giá cố định	180 ngày	Không áp dụng	Không đề xuất
Tổng cộng:				997.951.720 đồng									

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Cơ sở phân chia gói thầu: Không phân chia gói thầu, mỗi loại hóa chất, vật tư xét nghiệm là một phần riêng biệt của gói thầu, gồm 19 mặt hàng (có Phụ lục I Danh mục hàng hóa đính kèm).

b) Giá gói thầu: **997.951.720 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi một ngàn, bảy trăm hai mươi đồng).

Mỗi loại hóa chất, vật tư xét nghiệm là một phần riêng biệt của gói thầu nên giá gói thầu là tổng giá trị của các phần đó.

Giá gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Căn cứ Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với hàng hóa trong thời gian 12 tháng đăng trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia của Bộ kế hoạch đầu tư (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>), cụ thể như sau:

- Quyết định số 180/QĐ-BV ngày 19/01/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 3: Vật tư, hóa chất xét nghiệm đông máu, vi sinh, sinh phẩm huyết học (gồm 434 mặt hàng, chia thành 412 phần) thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm tập trung vật tư y tế tiêu hao, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2023-2024 (đợt 2);

- Hợp đồng số kinh tế số 5/HĐ-HCSP2023 ngày 07/3/2024 của Bệnh viện Thành phố Thủ Đức với Công ty TNHH thiết bị Minh Tâm về việc mua sắm hóa chất sinh phẩm (Căn cứ Quyết định 486/QĐ-BV ngày 27/02/2024 của Bệnh viện TP Thủ Đức-TP. HCM);

- Hợp đồng số kinh tế số G1-38/464-HĐ-HC-BVQY175/2024 ngày 21/02/2024 của Bệnh viện Quân y 175 với Công ty TNHH thiết bị Minh Tâm về việc cung ứng hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm, bông băng gạc - vật tư y năm 2024 cho Bệnh viện Quân y 175 (Căn cứ Quyết định 464/QĐ-BV ngày 06/2/2024 của Bệnh viện Quân Y 175);

- Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-BV ngày 24/4/2024 của Sở Y tế Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 04: Hóa chất, thuốc thử, chất hiệu chuẩn in vitro thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vật tư y tế, hóa chất, thuốc thử, chất hiệu chuẩn in vitro bổ sung lần 1 sử dụng tại các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế năm 2023.

Giá gói thầu được giải trình cụ thể tại Phụ lục II Cơ sở xây dựng giá đính kèm.

c) Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác (quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15).

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng (quy định tại Điều 21 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15).

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15).

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày (quy định tại khoản 5 Điều 39, khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15).

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2024 (quy định tại khoản 5 Điều 39 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15).

g) Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định (quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15).

h) Thời gian thực hiện gói thầu: 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (quy định tại khoản 7 Điều 39 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15).

i) Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.

l) Giám sát hoạt động đấu thầu: Không đề xuất.

VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:
Không.

VII. Tổng giá trị các phần công việc:

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	Không
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	Không
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	997.951.720 đồng
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	Không
Tổng giá trị các phần công việc		997.951.720 đồng
Tổng mức đầu tư của dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		997.951.720 đồng

VIII. Kiến nghị:

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước đề nghị Giám đốc Sở Y tế xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.

Kính trình Giám đốc Sở Y tế xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ TĐ Sở Y tế;
- Ban Giám đốc;
- Tổ CG, Tổ TĐ;
- Lưu VT, P. TCKT, Khoa Dược.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bs. CKII. Vũ Xuân Thùy



DANH MỤC TÀI LIỆU

(Theo Tờ trình số 1341 /TTr-BVĐK ngày 15 tháng 11 năm 2024)

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Quyết định số 607/QĐ-BVĐK ngày 08/08/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc thành lập Tổ chuyên gia và Tổ Thẩm định thực hiện các gói thầu mua sắm thuốc, thiết bị y tế, hóa chất – vật tư xét nghiệm cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.	Bản chụp
2	Biên bản họp số 556/BB-HĐKH ngày 05/11/2024 của Hội đồng Khoa học về việc thông qua danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.	Bản chụp
3	Biên bản họp cấp ủy số 238 - TBB/ĐBBP ngày 05/11/2024 của Đảng bộ Bộ phận Bệnh viện đa khoa về việc thông qua chủ trương mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bản chụp
4	Biên bản thống nhất giá số 1289/BB-BVĐK ngày 06/11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc thống nhất giá gói thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.	Bản chụp
5	Tờ trình số 1300/TTr-BVĐK ngày 07/11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc đề nghị mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.	Bản chụp
6	Công văn số 7073/SYT-NV ngày 09/11/2024 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước về việc thuận chủ trương mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.	Bản chụp
7	Quyết định số 859/QĐ- BVĐK ngày 12/11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt danh mục và giá kế hoạch gói thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.	Bản chụp
8	Báo cáo số 591/BC-TCG ngày 14/11/2024 của Tổ chuyên gia Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về việc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm lần 6 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.	Bản chụp
9	Dự toán thu chi sự nghiệp năm 2024	Bản chụp
10	Bản cam kết nguồn vốn.	Bản chụp

PHỤ LỤC I DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Tờ trình số: 1341 /TTr-BVĐK ngày 15 /11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính hoặc tương đương	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
I	HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM TƯƠNG THÍCH CHO MÁU ĐÔNG MÁU TỰ ĐỘNG ACL TOP 350					
1	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen, theo phương pháp Clauss trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để XN định lượng Fibrinogen-Clauss trên hệ thống máy đông máu tự động	Hộp 10x2mL	8	8,920,800	71,366,400
2	Hóa chất đo thời gian APTT dành cho máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để XN thời gian APTT	Hộp 5x9mL+5x8mL	3	4,760,700	14,282,100
3	Chất kiểm chứng mức bất thường cao dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu ở dải đo bất thường cao	Hộp 10x1mL	7	2,929,500	20,506,500
II	HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM TƯƠNG THÍCH MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG DxH600					
1	Dung dịch pha loãng	Dung dịch đậm pha loãng đẳng trương.	Lít	600	152,775	91,665,000
2	Dung dịch rửa máy	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho máy.	Lít	50	598,689	29,934,450
3	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch ly giải và ổn định bạch cầu	Hộp 1900mL+850mL	3	10,054,800	30,164,400
4	Hóa chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học.	Hộp 4x3.5mLLevelI 4x3.5mLLevelII 4x3.5mLLevelIII	2	11,046,000	22,092,000
III	HÓA CHẤT, VẬT TƯ TƯƠNG THÍCH MÁY HUYẾT HỌC ADVIA 2120i					

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính hoặc tương đương	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
1	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tạo dòng cho phân tích tế bào máu	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tạo dòng cho phân tích tế bào máu	Hộp/1 can	12	6,070,000	72,840,000
2	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tạo dòng cho phân tích các thành phần bạch cầu	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tạo dòng cho phân tích các thành phần bạch cầu	Hộp (4 lọ x 2.725 ml)	5	8,459,000	42,295,000
3	Hóa chất rửa trong xét nghiệm huyết học	Hóa chất rửa trong xét nghiệm huyết học	Hộp (2 lọ x 1.620 ml)	15	9,173,000	137,595,000
4	Hóa chất chống tạo bọt trong xét nghiệm huyết học	Hóa chất chống tạo bọt trong xét nghiệm huyết học	Hộp (4 lọ x 125 ml)	1	8,891,000	8,891,000
5	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tách phân thành phần bạch cầu	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tách phân thành phần bạch cầu	Hộp (2 lọ x 650 ml, 2 lọ x 575 ml, 2 lọ x 585 ml, 2 lọ x 2.725 ml)	4	40,293,000	161,172,000
6	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để phân tích hồng cầu, tiểu cầu và bạch cầu	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để phân tích hồng cầu, tiểu cầu và bạch cầu	Hộp (1 lọ x 75 ml, 2 lọ x 2.700 ml, 2 lọ x 1.100 ml, 2 lọ x 1.100 ml)	5	28,626,000	143,130,000
7	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức bình thường	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức bình thường	Lọ 4ml	13	1,513,500	19,675,500
8	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức thấp	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức thấp	Lọ 4ml	13	1,513,500	19,675,500
9	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức cao	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức cao	Lọ 4ml	13	1,513,500	19,675,500
IV	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG XÉT NGHIỆM ĐỊNH NHÓM MÁU, PHẢN ỨNG HÒA HỢP, SÀNG LỌC KHÁNG THỂ					

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính hoặc tương đương	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
1	Hồng cầu mẫu	Bộ hồng cầu mẫu gồm 2 lọ A1 và B dùng cho định nhóm máu ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu	Hộp (2x10ml)	5	1,653,750	8,268,750
2	Gelcard định nhóm máu ABO/Rh bằng hai phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	Gel card 8 giếng. định nhóm ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	Cards	1,100	64,659	71,125,120
3	Bộ kit hồng cầu mẫu sàng lọc kháng thể bất thường	Hồng cầu mẫu sử dụng cho xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường dùng cho hệ thống phân tích nhóm máu bằng phương pháp gelcard ≥8 giếng.	Hộp (3x10ml)	5	2,719,500	13,597,500
Tổng cộng: 19 khoản						997,951,720

PHỤ LỤC II CƠ SỞ XÂY DỰNG GIÁ

(Kèm theo Tờ trình số: 1341 /TTr-BVĐK ngày 15/11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính hoặc tương đương	Số lượng	Giá Quyết định	Các QĐ trúng thầu áp giá	STT QĐ	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
I	HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM TƯƠNG THÍCH CHO MÁU ĐÔNG MÁU TỰ ĐỘNG ACL TOP 350								
1	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen, theo phương pháp Clauss trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để XN định lượng Fibrinogen-Clauss trên hệ thống máy đông máu tự động	Hộp 10x2mL	8	8,920,800	Quyết định 486/QĐ-BV ngày 27/02/2024 của Bệnh viện TP Thủ Đức-TP. HCM	8	8,920,800	71,366,400
2	Hóa chất đo thời gian APTT dành cho máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để XN thời gian APTT	Hộp 5x9mL+5x8mL	3	4,760,700	Quyết định 486/QĐ-BV ngày 27/02/2024 của Bệnh viện TP Thủ Đức-TP. HCM	4	4,760,700	14,282,100
3	Chất kiểm chứng mức bất thường cao dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu ở dải đo bất thường cao	Hộp 10x1mL	7	2,929,500	Quyết định 486/QĐ-BV ngày 27/02/2024 của Bệnh viện TP Thủ Đức-TP. HCM	1	2,929,500	20,506,500
II	HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM TƯƠNG THÍCH MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG DxH600								
1	Dung dịch pha loãng	Dung dịch đệm pha loãng đẳng trương.	Lít	600	152,775	Quyết định 486/QĐ-BV ngày 27/02/2024 của Bệnh viện TP Thủ Đức-TP. HCM	23	152,775	91,665,000
2	Dung dịch rửa máy	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho máy.	Lít	50	598,689	Quyết định trúng thầu số 416/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế Đồng Nai	397	598,689	29,934,450
3	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch ly giải và ổn định bạch cầu	Hộp 1900mL+850mL	3	10,054,800	Quyết định 486/QĐ-BV ngày 27/02/2024 của Bệnh viện TP Thủ Đức-TP. HCM	25	10,054,800	30,164,400

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính hoặc tương đương	Số lượng	Giá Quyết định	Các QĐ trúng thầu áp giá	STT QĐ	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền
4	Hóa chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học.	Hộp 4x3.5mLLevelII 4x3.5mLLevelIII 4x3.5mLLevelIII	2	11,046,000	Quyết định 486/QĐ-BV ngày 27/02/2024 của Bệnh viện TP Thủ Đức-TP. HCM	21	11,046,000	22,092,000
III	HÓA CHẤT, VẬT TƯ TƯƠNG THÍCH MÁY HUYẾT HỌC ADVIA 2120i								
1	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tạo dòng cho phân tích tế bào máu	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tạo dòng cho phân tích tế bào máu	Hộp/1 can	12	6,070,000	Quyết định 180/QĐ-BV ngày 19/01/2024 của BVĐK tỉnh Phú Thọ	22	6,070,000	72,840,000
2	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tạo dòng cho phân tích các thành phần bạch cầu	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tạo dòng cho phân tích các thành phần bạch cầu	Hộp (4 lọ x 2.725 ml)	5	8,459,000	Quyết định 180/QĐ-BV ngày 19/01/2024 của BVĐK tỉnh Phú Thọ	23	8,459,000	42,295,000
3	Hóa chất rửa trong xét nghiệm huyết học	Hóa chất rửa trong xét nghiệm huyết học	Hộp (2 lọ x 1.620 ml)	15	9,173,000	Quyết định 180/QĐ-BV ngày 19/01/2024 của BVĐK tỉnh Phú Thọ	24	9,173,000	137,595,000
4	Hóa chất chống tạo bọt trong xét nghiệm huyết học	Hóa chất chống tạo bọt trong xét nghiệm huyết học	Hộp (4 lọ x 125 ml)	1	8,891,000	Quyết định 180/QĐ-BV ngày 19/01/2024 của BVĐK tỉnh Phú Thọ	25	8,891,000	8,891,000
5	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tách phân thành phần bạch cầu	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tách phân thành phần bạch cầu	Hộp (2 lọ x 650 ml, 2 lọ x 575 ml, 2 lọ x 585 ml, 2 lọ x 2.725 ml)	4	40,293,000	Quyết định 180/QĐ-BV ngày 19/01/2024 của BVĐK tỉnh Phú Thọ	26	40,293,000	161,172,000
6	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để phân tích hồng cầu, tiểu cầu và bạch cầu	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để phân tích hồng cầu, tiểu cầu và bạch cầu	Hộp (1 lọ x 75 ml, 2 lọ x 2.700 ml, 2 lọ x 1.100 ml, 2 lọ x 1.100 ml)	5	28,626,000	Quyết định 180/QĐ-BV ngày 19/01/2024 của BVĐK tỉnh Phú Thọ	27	28,626,000	143,130,000

